

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa TTH Hà Tĩnh tại xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nội dung liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình 3004/TTr-STNMT ngày 08/7/2024 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần TTH Hà Tĩnh tại Văn bản số 142/CV-TTH.HT1 ngày 22/6/2024 kèm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án; ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Văn bản số 83/STNMT-MT ngày 01/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn bản số 142/CV-TTH.HT1 ngày 22/6/2024 về bổ sung, hoàn thiện của Công ty Cổ phần TTH Hà Tĩnh); ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh qua biểu quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần TTH Hà Tĩnh (địa chỉ: số 01, đường Ngô Quyền, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Bệnh viện Đa khoa TTH Hà Tĩnh tại xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh” với các nội dung sau đây:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: “Bệnh viện Đa khoa TTH Hà Tĩnh tại xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh”.

1.2. Địa điểm hoạt động: xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3002089270 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 3002089270.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của dự án: Bệnh viện đa khoa, cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án thuộc nhóm A theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và thuộc nhóm II theo tiêu chí về môi trường quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án xây dựng trên khu đất có diện tích 41.209,7m², tại xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Quy mô, công suất của dự án: 824 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với mùi, khí thải quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện các yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Công ty Cổ phần TTH Hà Tĩnh (đơn vị đề xuất), Hội đồng thẩm định (theo Quyết định số 26/QĐ-STNMT ngày 20/02/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thẩm định, đề xuất) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về nội dung, số liệu báo cáo, đề xuất tại các Văn bản nêu trên, đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần TTH Hà Tĩnh sau khi được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường;

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giám

thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án và theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải và sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 4. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày ban hành.

Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 4027/GP-UBND ngày 26/11/2020 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hà Tĩnh, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Đa khoa TTH Hà Tĩnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó CVPUB (phụ trách);
- Công ty CP TTH Hà Tĩnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục 01

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân (nước thải đen từ các khu nhà vệ sinh); lưu lượng khoảng 200m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Nước thải từ tắm rửa, lau sàn, rửa nhà vệ sinh, lavabo rửa tay (nước thải xám); lưu lượng khoảng 268,07m³/ngày đêm.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà bếp; lưu lượng khoảng 20m³/ngày đêm

+ Nguồn số 04: Nước thải từ khu giặt là; lưu lượng khoảng 30m³/ngày đêm

+ Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động chuyên môn trong bệnh viện (từ các phòng chức năng, phòng xét nghiệm, phòng tiểu phẫu, phòng mổ...); lưu lượng khoảng 15m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận; nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

Một dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung xả ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: sông Cày đoạn qua địa phận xóm Bắc Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Hệ thống thoát nước chung của thành phố chạy dọc đường Ngô Quyền, thuộc xóm Tân Phú, xã Thạch Trung, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2031179; Y(m) = 539213 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 600m³/ngày đêm (tương đương 25 m³/giờ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được xả theo phương thức bơm tự động vào hệ thống thoát nước chung dọc đường Ngô Quyền theo Kênh T4 ra nguồn tiếp nhận sông Cày.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: xả gián đoạn theo chế độ bơm tự động.

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt Cột B (K=1), QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28 :2010/BTNMT Cột B, hệ số K=1
1.	pH*	-	6,5-8,5
2.	BOD ₅	mg/l	50
3.	COD	mg/l	100
4.	TSS	mg/l	100
5.	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	10
6.	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	50
7.	PO ₄ ²⁻ -P	mg/l	10
8.	S ²⁻ (theo H ₂ S)	mg/l	4
9.	Dầu, mỡ ĐTV	mg/l	20
10.	Tổng hoạt độ phóng xạ α ⁽¹⁾	Bq/l	0,1
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ β ⁽¹⁾	Bq/l	1,0
12.	Salmonella	VK/100ml	KPH
13.	Shigella	VK/100ml	KPH
14.	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH
15.	Coliform	VK/100ml	5000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ các nguồn phát sinh được thu gom theo 2 dòng về 2 trạm xử lý nước thải tập trung: 01 trạm công suất 400 m³/ngày đêm và 01 trạm 200 m³/ngày đêm.

** Mạng lưới thu gom nước thải về trạm công suất 400m³/ngày đêm:* Tiếp nhận các nguồn phát sinh nước thải từ các hạng mục công trình sau:

- + 01 Nhà bệnh viện 13 tầng nổi (Giai đoạn 1)
- + 01 Nhà khám và phụ trợ 2 tầng nổi (Giai đoạn 1)
- + 01 Nhà khám, điều trị dịch vụ tổng hợp và phụ trợ 2 tầng hầm, 6 tầng nổi (Giai đoạn 2).

- + 01 Nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp 2 tầng hầm, 2 tầng nổi (Giai đoạn 2).

** Mạng lưới thu gom nước thải về trạm 200m³/ngày đêm:* Tiếp nhận các nguồn phát sinh nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải tại các hạng mục công trình sau:

- + 01 Nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp 2 tầng hầm, 12 tầng nổi (Giai đoạn 2).

- + 01 Nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp 2 tầng hầm, 6 tầng nổi (Giai đoạn 2).

** Phương thức thu gom nước thải từ các nguồn về 2 hệ thống xử lý nước thải tập trung:*

- Nước thải từ quá trình đào thải của con người được thu gom vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới các công trình. Nước thải từ hoạt động rửa tay chân, tắm, thoát sàn, lavabo... sau khi qua song chắn rác cùng với nước thải sau các bể tự hoại chảy vào hệ thống thu gom nước thải của bệnh viện qua hệ thống đường ống.

- Nước thải từ khu nhà bếp có chứa dầu mỡ được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ, sau đó chảy qua hệ thống đường ống vào hệ thống thu gom nước thải bệnh viện.

- Nước thải từ khu giặt là được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể lắng, sau đó theo đường ống chảy vào hệ thống thu gom nước thải của bệnh viện

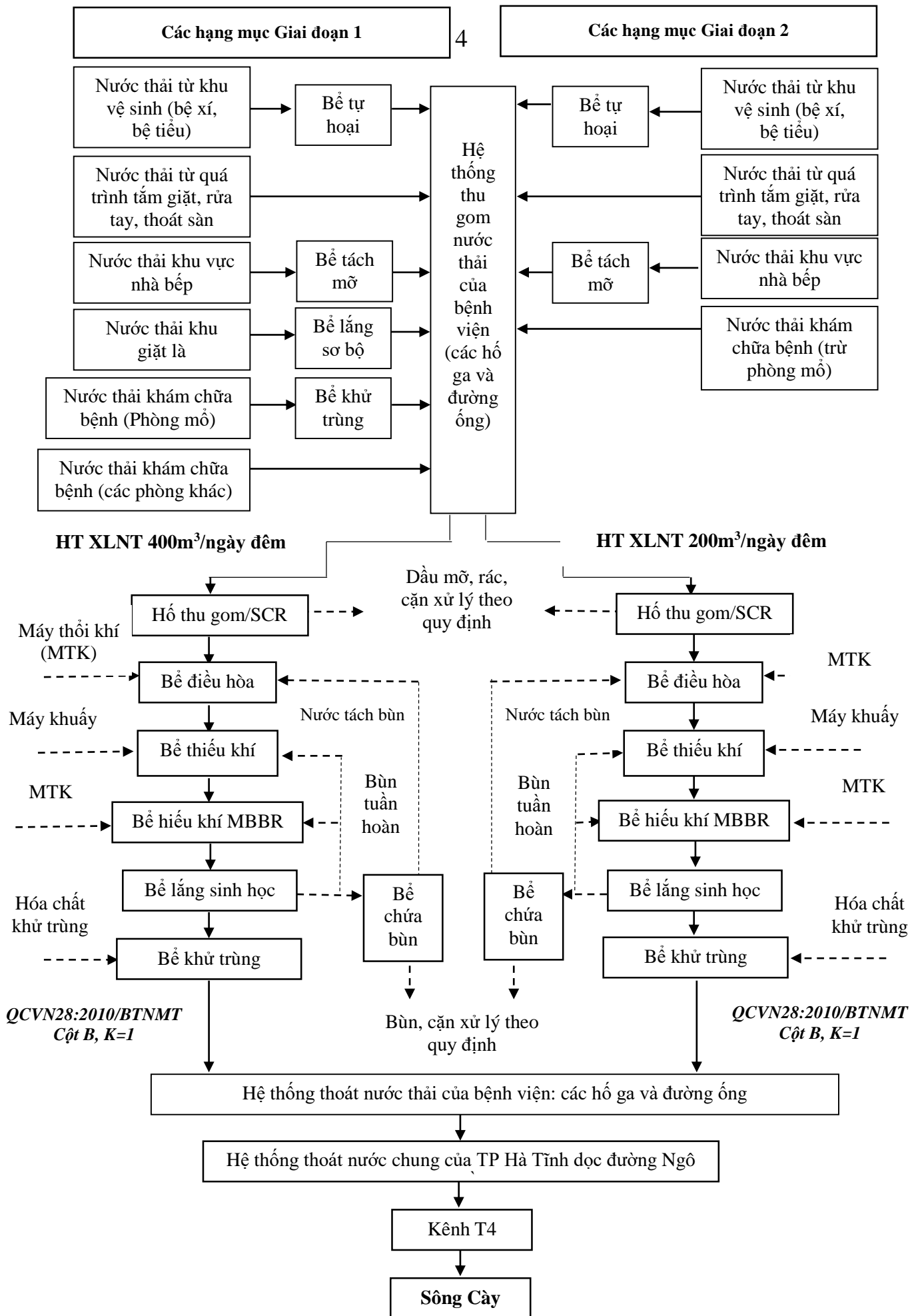
- Nước thải từ hoạt động chuyên môn trong bệnh viện (từ các phòng chức năng, phòng xét nghiệm, phòng tiểu phẫu, ...) chảy qua song chắn rác, sau đó theo đường ống chảy vào hệ thống thu gom nước thải của bệnh viện. Riêng nước thải từ khu vực phòng mổ được xử lý sơ bộ tại bể khử trùng trước khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của bệnh viện

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công nghệ: Công nghệ sinh học thiếu - hiếu khí với giá thể di động (MBBR).

- Tổng công suất xử lý: 600 m³/ngày đêm (Bao gồm 01 hệ thống XLNT công suất 400m³/ ngày đêm đã được xây dựng ở giai đoạn 1 và 01 hệ thống XLNT công suất 200m³/ ngày đêm sẽ được xây dựng ở giai đoạn 2; 02 hệ thống xử lý nước thải có quy trình công nghệ giống nhau).

- Sơ đồ quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:



* Thông tin một số hạng mục hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Tên cụm bể	Kích thước (m)							
		<i>Hệ thống XLNT công suất 400m³/ngày đêm (đã xây dựng)</i>				<i>Hệ thống XLNT công suất 200m³/ngày đêm (chưa xây dựng)</i>			
		Số bể	Dài	Rộng	Cao	Số bể	Dài	Rộng	Cao
1	Hồ thu gom	1	2	1.5	2.5	1	2	1.5	2.5
2	Bể điều hòa	2	6.7	4.85	4.5	1	6	3.2	4
3	Bể thiếu khí	2	6.7	2.8	4.5	1	4.2	3.4	4
4	Bể MBBR	2	7.2	5.9	4.5	1	5	4.2	4
5	Bể lắng	1	4	4	4.5	1	3.8	3.5	4
6	Bể khử trùng	1	4	1.3	4.5	1	1	1.8	4
7	Bể chứa bùn	1	4	1.3	4.5	1	1	1.8	4

* Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- *Hồ thu gom*

Nước thải qua song chắn rác (SCR) được đặt trong hồ thu gom để loại bỏ rác thải có kích thước lớn.

- *Bể điều hòa*

Nước thải sau khi qua hồ thu gom chảy vào bể điều hòa để điều hòa lưu lượng và nồng độ của dòng thải vào hệ thống xử lý giúp cho các công trình xử lý phía sau hoạt động ổn định. Tại đây, các chất hữu cơ trong nước thải được phân hủy một phần trong điều kiện hiếu khí. Máy thổi không khí được sử dụng để cung cấp các điều kiện trộn và để ngăn chặn các chất rắn tích tụ ở đáy bể.

- *Bể thiếu khí*

Nước thải từ bể điều hòa được bơm vào bể thiếu khí. Tại đây nước thải được hòa trộn bằng máy khuấy trộn chìm, nhằm giảm bớt lượng NH⁴⁺ có trong nước thải và chuyển Nitơ thành dạng N₂ dễ bay hơi và tách ra khỏi môi trường nước thải. Nước thải sau khi được xử lý một phần, giảm nồng độ nitơ, BOD₅ và COD sẽ được chuyển qua bể hiếu khí.

- *Bể hiếu khí MBBR*

Nước thải từ bể thiếu khí chảy vào bể hiếu khí MBBR. Tại đây diễn ra quá trình phân hủy hoàn toàn chất ô nhiễm có trong nước thải.

- *Bể lắng sinh học*

Nước thải từ bể hiếu khí MBBR được chảy vào ống trung tâm của bể lắng sinh học được phân phối đều từ trên xuống. Nguyên tắc lắng theo chiều thẳng đứng với thời gian lưu khoảng 2-3 giờ. Nước thải sau thời gian lắng nhất định tách làm 2 phần riêng biệt: phần bùn lắng phía dưới bể được bơm tuần hoàn về bể hiếu khí MBBR và bể thiếu khí, phần nước trong ở phía trên chảy qua bể khử trùng. Phần bùn dư được bơm về bể chứa bùn.

- *Bể khử trùng*

Khử trùng là khâu cuối trong dây chuyền công nghệ để loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh trước khi xả ra nguồn yêu cầu chất lượng cao hoặc khi cần thiết sử dụng lại nước thải. Hóa chất được sử dụng trong bể khử trùng là Chlorine Ca(OCl)₂.

- *Bể chứa bùn*

Bể có vai trò tiếp nhận một phần bùn hoạt tính dư được bơm từ bể lắng sinh học, đồng thời là bể tách nước ra khỏi bùn; phần nước tách được bơm tuần hoàn lại về bể điều hòa; Bùn thải định kỳ được hút lên đưa đi xử lý.

- *Hóa chất, nguyên vật liệu sử dụng cho xử lý nước thải*: Chlorine (khoảng 2kg/ ngày tương đương với 3,3g/m³ nước thải), giá thể vi sinh di động.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải 400m³/ngày đêm hiện có và hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày đêm sau khi hoàn thành xây dựng, dự kiến từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/3/2025 (03 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m³/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung 400m³/ngày đêm:

+ Mẫu nước thải đầu vào tại hồ thu gom, tọa độ: X= 2031235; Y= 539065 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

+ Mẫu nước thải đầu ra tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng, tọa độ X= 2031226; Y= 539080 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung 200m³/ngày đêm

+ Mẫu nước thải đầu vào tại hồ thu gom, tọa độ: X= 2031222; Y= 539053 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

+ Mẫu nước thải đầu ra tại miệng ống thoát nước sau bể khử trùng, tọa độ X= 2031222; Y= 539078 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2.4.3 Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định: tối thiểu 04 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải (ngày đầu tiên lấy 01 mẫu nước thải đầu vào và 01 mẫu nước thải đầu ra, từ ngày thứ 02 trở đi lấy 01 mẫu đầu ra/ngày).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường; tại khoản 5, 6, 7, 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường khi chưa đáp ứng quy định về xả thải theo yêu cầu tại mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra./.

Phụ lục 02

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MÙI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH MÙI, KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh mùi, khí thải

- Mùi do các hóa chất bay hơi, hoá chất tẩy rửa, hoá chất khử trùng;
- Bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện ra vào bệnh viện;
- Khí thải từ máy phát điện dự phòng;
- Mùi do hoạt động nấu nướng tại bếp ăn;
- Mùi, khí thải từ hệ thống xử lý nước thải bệnh viện;
- Mùi từ khu vực chứa chất thải rắn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả mùi, khí thải

Đây là các nguồn thải phân tán, không tập trung nên không xác định cụ thể vị trí, lưu lượng, phương thức xả thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI MÙI, KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải

- Lắp đặt hệ thống điều hòa, thông khí và quạt thông gió tại các khoa, phòng;
- Sử dụng máy phát điện theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất, bảo dưỡng định kỳ, lắp đặt ống khói theo yêu cầu của nhà sản xuất, cung cấp thiết bị;
- Tại khu vực nhà bếp, nhà ăn lắp đặt các bộ phận hút, khử mùi;
- Chất thải từ nhà ăn tiến hành thu gom, xử lý theo quy định, không lưu giữ qua đêm;
- Thường xuyên vệ sinh sân đường nội bộ để giảm phát tán bụi khi có gió hoặc phương tiện vào ra bệnh viện.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án theo quy hoạch;
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, định kỳ bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải;
- Khu tập kết chất thải thường xuyên được phun khử mùi, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom chất thải, vận chuyển chất thải đúng quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thường xuyên vận hành các công trình và thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh tại Bệnh viện theo yêu cầu tại mục 1 Phần B Phụ lục này;

2.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xả mùi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh Bệnh viện;

2.3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý môi trường tại địa phương; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm không khí đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm không khí do hoạt động của bệnh viện làm phát tán mùi, khí thải ra môi trường./.

Phụ lục 03

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NGUỒN PHÁT SINH TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ phương tiện giao thông và người ra vào Bệnh viện.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ máy nén khí cung cấp cho các hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ máy thổi khí và các thiết bị tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 05: Tiếng ồn ở khu giặt là, khu bếp ăn của bệnh viện.
- Nguồn số 06: Tiếng ồn từ các thiết bị, xe đẩy trong quá trình phục vụ hoạt động khám chữa bệnh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Phát sinh phân tán không có vị trí, tọa độ cụ thể. Vị trí đại diện tại sảnh nhà khám, điều trị và dịch vụ tổng hợp 13 tầng nổi (xây dựng giai đoạn 1). Tọa độ: X= 2031186; Y= 539158 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 02: Khu vực để máy phát điện dự phòng (hoạt động không thường xuyên). Tọa độ: X= 2031190; Y= 539081 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ: X= 2031276; Y= 539100 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X= 2031234; Y= 539074 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 05: Phát sinh phân tán không có vị trí, tọa độ cụ thể. Vị trí đại diện tại khu bếp ăn của nhà khám, điều trị và dịch vụ tổng hợp 13 tầng nổi (xây dựng giai đoạn 1). Tọa độ: X= 2031186; Y= 539092 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 06: Phát sinh phân tán không có vị trí, tọa độ cụ thể. Vị trí đại diện tại khu vực khám chữa bệnh của nhà khám, điều trị và dịch vụ tổng hợp 13 tầng nổi (xây dựng giai đoạn 1). Tọa độ: X= 2031210; Y= 539131 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

3. Tiêu chuẩn tiếng ồn:

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

Khu vực	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (theo mức âm tương đương), dBA	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
Khu vực đặc biệt	55	45
Khu vực thông thường	70	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Quy định vận tốc tối đa của các phương tiện giao thông được phép ra vào bệnh viện.

- Đề ra các nội quy cho người bệnh và người nhà bệnh nhân khi vào Bệnh viện.

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo các thiết bị hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn; các máy thổi khí tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung bố trí đặt bên trong nhà có tường bao che và cửa ra vào kín; đối với máy phát điện, máy nén khí được đặt trong nhà có tường bao che và có biện pháp cách âm hiệu quả, vị trí cách xa khu vực khám chữa bệnh.

- Thiết lập các quy định về tiếng ồn, các khẩu hiệu nhắc nhở đi nhẹ, nói khẽ tại các khu vực trong bệnh viện.

- Xây dựng tường rào bệnh viện cao, trồng cây dọc tường rào để hạn chế tiếng ồn từ bên trong khuôn viên ảnh hưởng đến khu dân cư gần bệnh viện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 04
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	NH	kg/năm	61.612
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	KS	kg/năm	3.650
3	Chất hàn răng amalgam thải	13 01 04	NH	kg/năm	36,5
4	Dược phẩm gây độc tế bào thải	13 01 03	NH	kg/năm	36,5
5	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)	13 03 02	NH	kg/năm	36,5
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	kg/năm	365
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	NH	kg/năm	730
8	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	NH	kg/năm	730
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu)	18 02 01	KS	kg/năm	3.650

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Đơn vị tính	Khối lượng
	chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại				
10	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	KS	kg/năm	3.650
11	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	KS	kg/năm	730
	Tổng			kg/năm	75.226,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng ước tính
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, khách,...	21.259 kg/tháng
2	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất	600 kg/tháng
3	Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại	
4	Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường	
5	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	
6	Giấy carton, giấy vụn văn phòng	
7	Bùn thải từ bể tự hoại	264,3 m ³ /năm
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH	2,76 (m ³ /tháng)

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

* Đối với chất thải y tế nguy hại:

Chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm. Chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện được phân loại, phân định, thu gom và lưu chứa theo hướng dẫn tại

Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tại các khoa, phòng: bố trí khoảng 60 thùng (loại 15 lít/thùng) có lót túi màu vàng để thu gom chất thải lây nhiễm, khoảng 30 thùng (loại 15 lít/thùng) có lót túi màu đen để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm.

Tại khu vực lưu giữ chất thải y tế nguy hại bố trí đủ các thùng chuyên dụng, mỗi thùng có dung tích khoảng 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Đối với chất thải giải phẫu (bệnh phẩm, nhau thai) được đựng trong hai lần túi buộc kín và được lưu giữ trong tủ bảo quản lạnh đặt ở khu vực lưu giữ CTNH.

* *Đối với chất thải nguy hại khác* (bóng đèn huỳnh quang, pin ắc quy, hộp mực in thải, ...): được thu gom về kho chất thải nguy hại; Bố trí khoảng 03 thùng (loại 120 lít/thùng) màu đen có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại để lưu chứa loại chất thải này.

2.1.2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải y tế nguy hại và chất thải nguy hại khác được lưu giữ tại kho lưu chứa chất thải nguy hại để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích: 20 m² (kích thước: 5x4x3,0m). Kết cấu cột dầm sàn bê tông cốt thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền bê tông đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào và đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị dụng cụ, thiết bị PCCC, cát khô,...; có biển dấu hiệu cảnh báo đảm bảo kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều,...;

- Biện pháp xử lý: Toàn bộ chất thải nguy hại của Bệnh viện được hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện được thu gom, phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Tại các khoa, phòng, khu khám chữa bệnh, khu đón tiếp bệnh nhân: bố trí khoảng 200 thùng (loại 15 lít/thùng) tại nơi phát sinh và khoảng 60 thùng (loại 120 lít/thùng) tại mỗi tầng nhà để thu gom chất thải rắn sinh hoạt vô cơ (các loại thùng này có lót túi màu xám); khoảng 20 thùng (loại 120 lít/thùng) để thu gom chất thải rắn sinh hoạt hữu cơ, tại khu vực bếp, nhà ăn và tại các tầng (các loại thùng lưu chứa này có lót túi màu xanh).

- Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt bố trí khoảng 12 thùng (loại khoảng 660 lít/thùng) để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

- Bố trí khoảng 8 xe đẩy (loại xe có dung tích thùng khoảng 350 lít) để vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về nơi tập kết.

2.2.2. Khu vực lưu chứa, biện pháp xử lý:

- Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa ở kho chứa chất thải sinh hoạt (bên cạnh kho chứa chất thải nguy hại) để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích: 30 m² (kích thước: 5m x 6m x 3m). Kết cấu cột dầm khung thép, hệ tường bao xung quanh bằng tôn vẩy kín, có mái che; nền bê tông đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của bệnh viện được phân loại, lưu chứa theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

Tại các khoa, phòng, khu khám chữa bệnh, khu đón tiếp bệnh nhân: bố trí khoảng 20 thùng (loại 15 lít/thùng), thùng có lót túi màu trắng để thu gom chất thải tái chế.

2.3.2. Khu vực lưu chứa, biện pháp xử lý:

- Chất thải rắn thông thường được lưu chứa ở kho chứa chất thải rắn thông thường (bên cạnh kho chứa chất thải nguy hại) để lưu giữ tạm thời trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích: 40m² (kích thước: 04m x 10m x 30m). Kết cấu cột dầm khung thép, hệ tường bao xung quanh bằng gạch xây kín, có mái che; nền bê tông đảm bảo không bị ngập lụt, tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

- Biện pháp xử lý:

+ Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế và chuyển giao cho cơ sở thu mua, tái chế có tư cách pháp nhân theo quy định.

+ Chất thải thông thường khác (bao gồm: bùn thải từ bể tự hoại và bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung sau khi phân định không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH) được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Thực hiện đầy đủ các biện pháp PCCC theo hồ sơ thẩm duyệt PCCC của cơ quan chức năng và tuân thủ việc quản lý vận hành công trình, thiết bị theo đúng quy định.

2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố thiên tai, ngập lụt:

- Theo dõi thường xuyên dự báo thời tiết để có thể nắm bắt chính xác diễn biến mưa, bão nhằm có phương án ứng phó kịp thời.

- Định kỳ trước mùa mưa bão, tiến hành kiểm tra sửa chữa, chằng chống các công trình.

- Kiểm tra, sửa chữa nạo vét hệ thống thoát nước thải, nắp đậy các hố ga, tránh hiện tượng sụt lún, nứt vỡ gây tắc nghẽn, ngập lụt cuốn theo nước bẩn ra môi trường xung quanh.

- Thành lập và duy trì các hoạt động của đội cứu hộ, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

** Sự cố đối với thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung bị hư hỏng:*

- Vận hành và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên các máy móc thiết bị trong hệ thống như bơm chìm, máy khuấy, máy thổi khí,... theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; đồng thời các thiết bị luôn có phương án dự phòng khi hoạt động; có nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung ghi chép đầy đủ theo quy định.

- Theo dõi sự ổn định của hệ thống, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị để phát hiện sự cố một cách sớm nhất nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Bố trí cán bộ phụ trách, nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành.

- Bố trí đảm bảo kinh phí hàng năm để vận hành và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục các sự cố gây ô nhiễm nguồn nước có thể xảy ra.

** Sự cố tắc nghẽn dòng hồ đo lưu lượng nước thải:*

- Lựa chọn thiết bị ban đầu tốt, sử dụng đúng mục đích;

- Bổ sung thêm các thiết bị phụ trợ như lưới chắn rác, lọc,.. để hạn chế tình trạng rác thải, cặn bẩn,...;

- Khơi thông dòng chảy, làm sạch cặn bẩn bám vào cánh quạt của đồng hồ.

** Sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách:*

- Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách;

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;

- Thực hiện nghiêm chỉnh các nội quy về an toàn lao động, hiểu biết và nắm rõ về các nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện sự cố.

** Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường:*

- Khóa van xả nước thải ra môi trường, thiết kế đường ống và bơm tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đủ lưu giữ, tiến hành lưu chứa tại các bể xử lý khác để tăng thời gian lưu.

- Báo cáo kịp thời cho cán bộ phụ trách và đề xuất phương án khắc phục. Việc khắc phục hoàn thành sự cố sẽ được ưu tiên thực hiện sớm nhất để đưa hệ thống trở lại hoạt động bình thường, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra. Trường hợp sự cố nằm ngoài khả năng xử lý của cán bộ bệnh viện, cần liên hệ ngay với đơn vị có chức năng để tiến hành khắc phục một cách nhanh chóng nhất.

- Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

4. Phòng ngừa và ứng phó với sự cố lây lan mầm bệnh

- Nơi lưu giữ chất thải lây nhiễm sử dụng các dấu hiệu cảnh báo độc sinh học.

- Sàn nhà và các bức tường phải kín khít hoặc lát gạch để dễ dàng khử trùng.

- Chất thải y tế nguy hại trước khi vận chuyển đi xử lý phải được đóng gói trong các thùng để tránh bị bục hoặc vỡ trên đường vận chuyển.

5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố về điện:

- Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải, đối với những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ thuật;

- Ngắt cầu dao điện khi không có nhu cầu sử dụng, thường xuyên kiểm tra độ an toàn của các công tắc, thiết bị điện.

5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác: Thực hiện theo các biện pháp đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường./.

Phụ lục 05

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. CÁC NỘI DUNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục chính, phụ trợ và yêu cầu về bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện gồm có: 04 nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp, 03 nhà cầu, các hạng mục khác theo quy hoạch được duyệt... tiếp tục phải thực hiện đảm bảo yêu cầu theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư và Điều chỉnh quy hoạch mặt bằng sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt ngày 29/9/2020, cụ thể:

TT	Công trình	Diện tích đất (m ²)	Hiện trạng công trình	Tiến độ thực hiện
1	Nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp 2 tầng hầm, 12 tầng nổi (số 2)	2420	Chưa xây dựng	Nhà đầu tư phải hoàn thành toàn bộ công việc trước 24 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp nhận nhà đầu tư (Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 13/3/2023)
2	Nhà khám, điều trị dịch vụ tổng hợp và phụ trợ 2 tầng hầm, 6 tầng nổi (số 3)	1185	Chưa xây dựng	
3	Nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp 2 tầng hầm, 2 tầng nổi (số 4)	1280	Chưa xây dựng	
4	Nhà khám và điều trị dịch vụ tổng hợp 2 tầng hầm, 6 tầng nổi (số 6)	910	Chưa xây dựng	
5	Nhà cầu 2 tầng	130	Chưa xây dựng	
6	Nhà cầu 2 tầng	130	Chưa xây dựng	
7	Nhà cầu 2 tầng	135	Chưa xây dựng	
8	Nhà đại thể	50	Chưa xây dựng	
9	Các công trình, biện pháp BVMT kết nối đồng bộ của bệnh viện		Chưa xây dựng, lắp đặt	

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Giai đoạn thi công xây dựng bổ sung các hạng mục nêu tại mục A phụ lục này: Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải) theo nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, an toàn phòng cháy, chữa cháy, về quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý bụi và khí thải; chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động theo đúng nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt theo Giấy phép này./.